TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2020
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hoa.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 28/90 Ô3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 28/90 Ô3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Thanh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 06 ngày 21-11-2005.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến vài năm gần đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt không có tiếng nói chung nên làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng, nặng nề và không có hạnh phúc như xưa. Từ đầu năm 2019 vợ chồng quyết định sống ly thân để cho hai bên có thời gian suy nghĩ và tìm cách hàn gắn tình cảm, trong thời gian vừa qua bà T nhiều lần đắn đo, suy nghĩ về cuộc sống hôn nhân với ông T và cảm thấy không thể nào cứu vãn được và việc duy trì đời sống chung chỉ đem đến đau khổ cho nhau. Cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Thái T1, sinh ngày 30-12-2006 và cháu Lê Uyên T2, sinh ngày 26-02-2013 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh ông Lê Thanh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 28/90 Ô3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và hiện nay ông T vẫn sinh sống tại địa phương, nhưng do đi làm ăn xa nên thỉnh thoảng mới về nhà.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, những vẫn vắng mặt không có lý do; bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông T. Về quan hệ hôn nhân bà T được ly hôn với ông T; về con chung giao cháu Tú và cháu Trinh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông T được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hải, huyện Long Điển, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo bà T, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng vài năm gần đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt không có tiếng nói chung. Từ đầu năm 2019, vợ chồng quyết định sống ly thân để cho hai bên có thời gian suy nghĩ và tìm cách hàn gắn tình cảm, nhưng không hàn gắn được mà ngày càng mâu thuẫn hơn. Trong qúa trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu Lê Thái T1, sinh ngày 30-12-2006 và cháu Lê Uyên T2, sinh ngày 26-02-2013 là được ở với bà T và bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với ông Lê Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thái T1, sinh ngày 30-12-2006 và cháu Lê Uyên T2, sinh ngày 26-02-2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ông Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0003715 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND thị trấn Long Hải (số 73, quyển số 06 ngày 21-11-2005);
- Lưu hồ sơ vụ án….

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Đức